



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
1017 Hồng Bàng – Phường 12 – Quận 6 – Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: (84.8) 37517111 Fax: (84.8) 38752048
Website : www.opcpharma.com Email : info@opcpharma.com

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Ngày 05 tháng 04 năm 2014

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2014
NGÀY 05/04/2014

| | |
|--|----------|
| 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2014 | Trang 2 |
| 2. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | Trang 3 |
| 3. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH | Trang 8 |
| 4. TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013 | Trang 15 |
| 5. TỜ TRÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU & TẶNG VỐN ĐIỀU LỆ | Trang 16 |
| 6. TỜ TRÌNH V/v SỬA ĐỔI & BỔ SUNG ĐIỀU LỆ | Trang 18 |
| 7. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT | Trang 22 |
| 8. TỜ TRÌNH V/v CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2014 | Trang 28 |
| 9. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2013 ĐÃ KIỂM TOÁN | |

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014

Địa điểm : 252 Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. HCM

| THỜI GIAN 7h30 – 11h30 | NỘI DUNG | THỰC HIỆN |
|----------------------------------|---|-------------------------|
| Chuẩn bị | Tiếp đón đại biểu và khách mời. | Ban tổ chức |
| Nghi thức | Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. | Ban tổ chức |
| | Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu, Cơ cấu cổ đông tham dự, tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành. | Ban tổ chức |
| | Giới thiệu Chủ tịch đoàn & Thư ký đoàn. Biểu quyết của Đại hội. | Ban tổ chức |
| NỘI DUNG | -Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2013 và phương hướng năm 2014. -Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Điều hành năm 2013, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. -Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013. -Thông qua Tờ trình về việc phát hành cổ phiếu và tăng vốn điều lệ. -Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ và một số nội dung khác. | Chủ tịch đoàn |
| | -Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2013 và phương hướng năm 2014. -Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2014. | Trưởng Ban kiểm soát |
| | Thảo luận và góp ý của Đại hội. Biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội. | Chủ tịch đoàn |
| | Thông qua Biên bản thư ký Đại hội. | Thư ký đoàn |
| | Nghị quyết Đại hội. | Chủ tịch đoàn |
| | Tuyên bố bế mạc Đại hội. | Ban tổ chức |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2013 – PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2014

I. TỔNG QUAN

Năm 2013, tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 5,42%. Mức tăng trưởng này tuy thấp hơn so với kế hoạch (5,5%) nhưng cao hơn năm 2012 (5,25%), báo hiệu cho biết nền kinh tế Việt Nam đã vượt qua nhiều khó khăn, đang phục hồi và hướng tới tốc độ tăng trưởng cao hơn. Lạm phát xuống còn 6,04%, thấp hơn mức kế hoạch 8% và thấp nhất trong 10 năm qua.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam đã khép lại năm 2013 với những diễn biến đầy khả quan và hy vọng. Chỉ số VN-Index tăng 23%, HNX-Index tăng 19% so với năm 2012. Mức vốn hóa thị trường khoảng 964.000 tỷ đồng, đạt 31% GDP (tăng 199.000 tỷ đồng so với 2012). Quy mô giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 2.578 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2012. Vì vậy, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2013 được đánh giá là có mức tăng cao so với các thị trường trên thế giới, thuộc TOP 10 quốc gia có mức phục hồi mạnh nhất.



Diễn biến VN Index và HNX Index năm 2013 (nguồn: cafef.vn)

Giá cổ phiếu OPC trong năm 2012 không chênh lệch nhiều chỉ thay đổi từ khoảng 28.1 đến 39.0. Tuy nhiên đến năm 2013, giá cổ phiếu tăng mạnh từ 39.9 (02/01/2013) đến 74.0 (30/05/2013), sau đó thì dao động nhẹ trong khoảng 60.5 đến 66.0. Điều này cho thấy OPC đang khẳng định được giá trị cổ phiếu trên thị trường chứng khoán và được nhiều nhà đầu tư quan tâm.



Diễn biến cổ phiếu OPC trong khoảng thời gian 2012-2013

(Nguồn: www.cafef.vn)

II. NHÂN SỰ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

| STT | Họ & tên | Chức vụ |
|-----|-----------------------|------------------------------------|
| 1 | Ông Trịnh Xuân Vương | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Nguyễn Chí Linh | Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc |
| 3 | Ông Lê Minh Điềm | Ủy viên HĐQT |
| 4 | Ông Trương Đức Vọng | Ủy viên HĐQT |
| 5 | Ông Ngô Tân Long | Ủy viên HĐQT |
| 6 | Ông Nguyễn Đăng Thoại | Ủy viên HĐQT |
| 7 | Bà Lê Thị Năm | Trưởng Ban kiểm soát |
| 8 | Ông Lê Vũ Thuật | Thành viên BKS |
| 9 | Ông Nguyễn Văn Tấn | Thành viên BKS |

III. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2013, HĐQT đã tập trung chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động của Ban điều hành. Nhà máy Dược phẩm OPC Bình Dương tiếp tục hoạt động ổn định và đạt hiệu quả. Hệ thống phân phối các chi nhánh phát triển thị trường tốt đã góp phần tăng trưởng 11,9% doanh thu và 11,26% lợi nhuận trước thuế so với năm 2012.

HĐQT đã tuân thủ các quy định của pháp luật & Điều lệ Công ty về tần suất họp cũng như các thủ tục pháp lý về cuộc họp Hội đồng quản trị.

Năm 2013, Hội đồng quản trị đã họp 7 kỳ và ban hành 26 Nghị quyết. Tất cả các nội dung thảo luận bao gồm nhiều lĩnh vực và đều thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT đã tham dự họp đầy đủ 100%. Tất cả buổi họp Hội đồng quản trị đều có sự hiện diện của Ban Kiểm soát. Các quy chế ban hành đã từng bước nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, xây dựng và phát triển tốt mối quan hệ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngày 14/06/2013 Hội đồng quản trị đã họp và tái bổ nhiệm, bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp trung của Công ty.

Ngày 12/11/2013, Hội đồng quản trị đã họp và Bổ nhiệm thêm một Phó Tổng Giám đốc.

3.1 V/v thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013:

- HĐQT đã hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh & đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 07/08/2013 cho phép giao dịch 50% số lượng cổ phiếu đã phát hành theo chương trình ESOP OPC 2012. Ngày 16/8/2013, số lượng cổ phiếu OPC chính thức được giao dịch thêm là 183.500 CP.

- HĐQT đã giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013: Tổng doanh thu năm 2013 là 564,4 tỉ đồng đạt 102,6% so với kế hoạch và vượt 11,9% so với cùng kỳ năm 2012. Lợi nhuận trước thuế 83,5 tỉ đồng, đạt 104,4% so với kế hoạch và vượt 11,26% so với cùng kỳ. Thu nhập bình quân 11,69 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,2 triệu đồng so với kế hoạch và cùng kỳ.

- Ngày 29/05/2013, HĐQT đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 cho các cổ đông bằng tiền mặt với tỷ lệ 12%/ vốn điều lệ (tổng cộng là 22%).

- Ngày 29/11/2013, HĐQT đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt là 10%/ vốn điều lệ.

- HĐQT dự kiến kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc chi trả cổ tức năm 2013 là 25%/ vốn điều lệ.

3.2 V/v thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT & công bố thông tin:

Thực hiện hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán thông qua hệ thống công bố thông tin điện tử (IDS). Công ty đã đăng ký triển khai thực hiện và tiến hành công bố thông tin đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Việc công bố thông tin được thực hiện đúng thời gian và đầy đủ theo quy định của Thông tư 52/2012/TT-BTC bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

IV. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC quy định về việc trích thù lao HĐQT & BKS không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế được phân phối.

| Stt | Nội dung | Số tiền (VNĐ) |
|-----|--|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế được phân phối năm 2013 (LNST) | 56.254.280.000 |
| 2 | Thù lao HĐQT được trích theo quy định của Điều lệ 5% | 2.812.714.000 |
| 3 | Thù lao HĐQT & BKS trong năm 2013 | 2.810.055.550 |
| 4 | Tỷ lệ % thù lao / LNST | 4,99% |

V. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

- Để chủ động tạo vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tương xứng với quy mô ngày càng phát triển của Công ty, HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ thông qua phương án Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 128.568.600.000 đồng lên 192.557.900.000 đồng.

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các chủ trương, chính sách của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2014. Kế hoạch dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 thông qua về cổ tức như sau:

- Cổ tức: 20% (chưa tăng vốn điều lệ)
- Sau khi tăng VĐL: Quy đổi tỉ lệ tương ứng với tỉ lệ 20% khi chưa tăng VĐL (theo nguyên tắc làm tròn số đến hàng đơn vị).

- Thành lập thêm chi nhánh trên địa bàn toàn quốc, mở rộng hoạt động phân phối; mở rộng quy mô cơ sở vật chất của một số chi nhánh (Hà Nội, Cần Thơ, Tiền Giang,..) đặc biệt tập trung phát triển thị trường ETC & OTC, thâm nhập thị trường quốc tế, chủ động nguồn cung ứng nguyên liệu đạt chất lượng và giá cả hợp lý, cập nhật và phát triển trình độ

khoa học kỹ thuật, nắm bắt kịp thời các tiến độ khoa học công nghệ nhằm giữ vững tốc độ tăng trưởng, gia tăng lợi nhuận và phát huy vị thế thương hiệu OPC.

- Tăng cường phát triển các mặt hàng chủ lực, mặt hàng có tiềm năng, đặc biệt là tạo những bước đột phá trong phát triển sản phẩm mới, đa dạng hoá chủng loại sản phẩm trước nhu cầu ngày càng tăng và phong phú của thị trường.

- Tiếp tục phát huy hiệu quả của dự án nuôi trồng - chế biến dược liệu tại Bắc Giang theo xu hướng đạt tiêu chuẩn GACP của Bộ Y Tế Việt Nam.

- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị máy móc, hợp lý hóa quy trình sản xuất, cải tiến công nghệ, duy trì hoạt động quản lý chất lượng theo GPs WHO & ISO 9001:2008.

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác phù hợp để chuyển hướng đầu tư, sử dụng hiệu quả khu đất 1017 Hồng Bàng – Quận 6 – Tp. HCM.

VI. KẾT LUẬN

Kinh tế Việt Nam năm 2013 có dấu hiệu hồi phục nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều khó khăn và thách thức. Tuy nhiên, OPC đã kết thúc năm tài chính 2013 một cách thành công, hoàn thành nhiệm vụ năm 2013 mà ĐHCĐ đã giao phó, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người lao động và quý cổ đông, các nhà đầu tư cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến quý cổ đông, nhà đầu tư, quý khách hàng, tập thể CBCNV OPC. Hy vọng rằng Quý vị sẽ tiếp tục tín nhiệm và đồng hành cùng chúng tôi trên con đường thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 để đưa thương hiệu OPC ngày càng phát triển.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DS. TRỊNH XUÂN VƯƠNG

Số: 248 / BC- BDH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 – KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

I. TỔNG QUAN

Nền kinh tế Việt Nam năm 2013 có nhiều điểm nổi bật như: chỉ số lạm phát thấp nhất trong 10 năm trở lại đây (đạt 6,04%); tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng trưởng 5,42% (tăng 0,17% so với năm 2012). Lãi suất cho vay của ngân hàng giảm 2-5% so với năm 2012. Tuy nhiên vẫn tồn tại những khó khăn đáng kể: Sản xuất kinh doanh nội địa tăng trưởng chậm; tồn kho hàng hóa ứ đọng; tỷ lệ thất nghiệp gia tăng; giá xăng dầu, điện, nước điều chỉnh liên tục làm tăng chi phí đầu vào; tình trạng biến đổi khí hậu, thiên tai xảy ra liên tục. Việc khai thác tràn lan và không có vùng quy hoạch trồng trọt cũng góp phần làm nguồn nguyên dược liệu ngày càng khan hiếm. Trong khi đó, thuốc là sản phẩm đặc biệt được Nhà nước quản lý chặt chẽ về giá cả và chất lượng.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và đất nước năm 2013 không mấy thuận lợi, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu, đoàn kết của toàn thể CBCNV dưới sự điều hành năng động, sáng tạo của Ban điều hành; chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Hội đồng quản trị; sự ủng hộ và tín nhiệm của Quý cổ đông, nhà đầu tư, các đối tác, Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã hoàn thành kế hoạch năm 2013.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1. Các chỉ tiêu chính:

| CÁC CHỈ TIÊU | NĂM 2013 | | | NĂM 2012 | |
|---|-----------------|---------------------------------|------------------------------|------------------|-------------------------------|
| | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | % THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN | % THỰC HIỆN 2013/ 2012 |
| Tổng doanh thu (tỉ đồng) | 550 | 564,4 | 102,6% | 504,3 | 111,9% |
| Lợi nhuận trước thuế (tỉ đồng) | 80 | 83,5 | 104,4% | 75,05 | 111,26% |
| Cổ tức (%) | 20% | Đã chi trả đợt 1 (tiền mặt) 10% | | 22% | |
| Thu nhập bình quân triệu đ/người/ tháng | 10,5 | 11,69 | 111,33% | 10,49 | 111,44% |

- Tổng doanh thu năm 2013 là 564,4 tỉ đồng đạt 102,6% so với kế hoạch năm và 111,9% so với cùng kỳ năm 2012. Trước tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn kết quả sản xuất kinh doanh vượt mốc 550 tỉ đồng đã đánh dấu một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

- Lợi nhuận trước thuế 83,5 tỉ đồng, đạt 104,4% so với kế hoạch năm và 111,26% so với cùng kỳ năm 2012.

- Đã thực hiện chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 bằng tiền mặt 12% ngày 29/05/2013 và đợt 1 năm 2013 là 10% ngày 29/11/2013.

- Thu nhập bình quân 11,69 triệu đồng/người/tháng, tăng 1,2 triệu đồng so với kế hoạch và cùng kỳ.

2.2. Công tác thị trường:

- Mạng lưới phân phối tiếp tục được mở rộng đến các vùng miền trên toàn quốc, góp phần tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thị phần sản phẩm và nâng cao uy tín thương hiệu OPC. Năm 2013, Công ty đã đặc biệt tập trung phát triển thị trường khối điều trị các bệnh viện, các phòng khám, phòng chẩn trị, kể cả vùng sâu, vùng xa, miền núi xa xôi hẻo lánh, vùng đồng bằng, cao nguyên dân tộc thiểu số,....

- Công ty đầu tư mua một lô đất ở khu phố 4 – Phường 5 – Tp. Mỹ Tho để xây dựng chi nhánh Tiền Giang. Dự toán cho công trình (bao gồm đất và xây dựng) trị giá khoảng 10 tỉ đồng. Ngày 8/3/2014, Công ty đã khởi công xây dựng và dự kiến công trình sẽ hoàn thành và chính thức hoạt động vào tháng 8/2014.

- Nhằm đáp ứng quy mô ngày càng phát triển của Chi nhánh Cần Thơ, Công ty đầu tư mua thêm nhà để cải tạo, kết nối vào cơ sở hiện hữu của chi nhánh, trị giá khoảng 03 tỉ đồng.

- Những hoạt động quảng bá, xây dựng và phát triển thương hiệu được duy trì, uy tín sản phẩm OPC ngày càng khẳng định vị trí trên thị trường. Thông điệp về tầm nhìn và sứ mệnh của OPC luôn được truyền tải nhất quán đến khách hàng. Công ty đã tổ chức chuỗi các hoạt động chuyên ngành: Hội chợ HVNCLC tại tỉnh Khánh Hòa, Tiền Giang, Đồng Nai, TP. HCM; triển lãm quốc tế chuyên ngành Y Dược tại Hà Nội; tổ chức 19 cuộc hội thảo khối điều trị; tổ chức 10 cuộc hội nghị khách hàng giới thiệu sản phẩm cho người tiêu dùng tại Bình Định, Nghệ An, Vũng Tàu, Cần Thơ...

- Công ty đã đạt các danh hiệu cao quý như: Thương hiệu Quốc gia (là doanh nghiệp Dược duy nhất được nhận giải thưởng 3 lần liên tiếp), Sao vàng Đất Việt 6 năm liên tiếp (2007-2013), Hàng VNCLC 17 năm liền (1998-2014), Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

2.3. Công tác khoa học công nghệ:

- Việc đầu tư công nghệ mới tại nhà máy ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần tăng năng suất lao động, hợp lý hoá quy trình sản xuất tại các dây chuyền, giảm giá thành sản phẩm và đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

+ Công nghệ cô dịch chiết bằng hệ thống cô song hiệu và cô chân không;

+ Công nghệ sản xuất thuốc hoàn tự động;

+ Công nghệ bao đường tự động;

+ Dây chuyền đóng gói tự động thuốc viên....

- Đã triển khai sản xuất 3 sản phẩm mới: Minh Mạng hoàn, Inberco Viên đại tràng, Viên trị sỏi thận DESMODIN Forte Kim Tiền Thảo 300 mg.

- Đã nghiệm thu 6 đề tài cấp cơ sở và nộp hồ sơ đăng ký đến Cục Quản lý Dược – Bộ Y Tế bao gồm: Viên Diệp Hạ Châu PYLANTIN, Thuốc HOASTEX không Cineol, Thuốc Ngân Kiều Giải Độc FAVOMIN, Viên Sụn Khớp FRESCAP, Bột sủi thanh nhiệt OPCOOL, Thuốc sát trùng POVIDON 10%.

- Đã nghiệm thu 3 đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học:

• Nghiên cứu lâm sàng Thuốc hạ acid Uric máu PURINASE.

• Nghiên cứu tác dụng của cao Linh chi OPC trong việc phục hồi tình trạng suy tử gây bởi các thuốc kháng virus và thuốc kháng ung thư.

• Nghiên cứu tác dụng dự phòng và điều trị suy giảm bạch cầu của Cao Linh chi và chế phẩm Linh chi trên mô hình gây suy giảm bạch cầu bằng paclitaxel và carboplatin.

- Thực hiện 1 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước: Nghiên cứu bào chế và thử lâm sàng sản phẩm CV ARTEQUICK Viên sốt rét.

- Tháng 9/2013, OPC cùng với đối tác Công ty phần mềm Bravo đã ký Biên bản nghiệm thu Dự án phần mềm Quản trị Kinh doanh - Tài chính, đạt được mục tiêu quản lý, điều hành, hỗ trợ hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ báo cáo Tài chính Kế toán, đáp ứng yêu cầu thực tế của Công ty và các quy định hiện hành, hoàn thành mục tiêu chất lượng năm 2013.

- Tính đến 31/12/2013, OPC được Bộ Y Tế cấp phép sản xuất và lưu hành toàn quốc 147 sản phẩm; được cấp tổng cộng 17 số đăng ký sản phẩm xuất khẩu nước ngoài vào các quốc gia: Lào, Nigeria, Moldova, Myanmar, Tajikistan, Ukraina.

- Tính đến 31/12/2013, OPC được Cục Sở hữu Công nghiệp Việt Nam cấp 140 văn bằng độc quyền trong nước bao gồm: tên nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hình, Logo Công ty, biểu tượng, slogan, giao diện website, bản quyền tác giả,...; bên cạnh đó, Logo OPC đã được bảo hộ độc quyền 25 quốc gia trên thế giới.

- Phong trào sáng kiến – ý tưởng mới phát triển mạnh, đã góp phần hợp lý hóa quy trình sản xuất, cải tiến trong tác nghiệp, tăng cường tiết kiệm trong lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế. Tổng số tiền thưởng cho phong trào này 521,5 triệu đồng.

- Nhằm chủ động đáp ứng nguồn nguyên dược liệu, chuẩn bị triển khai áp dụng tiêu chuẩn GACP (Good Agricultural Collection Practices - Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc), Dự án Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu OPC - Bắc Giang đã chính thức hoạt động tháng 10/2012 và tiếp tục phát huy hiệu quả trong năm 2013. Dự kiến quý I/2014 sẽ nộp hồ sơ đăng ký GMP WHO cho dây chuyền chiết xuất dược liệu và phấn đấu đạt giấy chứng nhận GMP WHO vào quý II/ 2014, từng bước thực hiện GACP theo lộ trình của Bộ Y Tế Việt Nam.

2.4. Công tác tài chính kế toán:

- Công ty đã chủ động về phần vốn lưu động, do đó luôn tìm được nguồn vốn vay với lãi suất thấp giúp giảm thiểu chi phí lãi vay, gia tăng lợi nhuận (giảm tỷ trọng lãi vay trên doanh thu từ 2,62% xuống 1,06%).

- Quản lý chặt chẽ tài sản, nguồn vốn, sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo tính minh bạch và công khai tài chính.

- Báo cáo tài chính được thực hiện đúng nội dung và thời hạn quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

- Việc chi trả cổ tức được thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ & Nghị quyết HĐQT.

- Việc phân tích giá thành, chi phí và đánh giá từng mặt hàng kịp thời, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi và thúc đẩy việc thu hồi công nợ, giảm nợ khó đòi.

- Đội ngũ kế toán luôn được nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, nắm bắt kịp thời các chính sách, quy định trong công tác tài chính kế toán.

2.5. Công tác tổ chức, đào tạo nguồn nhân lực và chính sách người lao động:

- Tại thời điểm 31/12/2013, tổng số lao động Công ty 722 người, cơ cấu so với năm 2012 như sau:

| Cơ cấu lao động | Năm 2012 | Năm 2013 | Tỷ lệ % |
|---------------------------|-----------------|-----------------|----------------|
| 1. Đại học và sau đại học | 150 | 165 | 110,0% |
| 2. Cao đẳng và THCN | 236 | 336 | 142,4% |
| 3. Công nhân kỹ thuật | 285 | 221 | 77,54% |
| Tổng cộng | 671 | 722 | 107,6% |

- Song song với việc áp dụng chính sách địa phương hóa nguồn lao động giản đơn, Công ty đã tiếp tục duy trì và điều chỉnh một số chính sách nhằm hỗ trợ kịp thời, động viên người lao động tiếp tục đồng hành với Công ty làm việc ổn định tại nhà máy Bình Dương.

- Các chế độ, chính sách khác liên quan đến người lao động được duy trì, tuân thủ theo quy định của luật pháp và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết giữa Công đoàn và

người sử dụng lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm thất nghiệp). Công ty đã tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể CBCNV tại Trung tâm Y khoa Hòa Hảo; tổ chức du lịch nghỉ mát; các loại tiền thưởng (thưởng hoàn thành kế hoạch, tiền lễ, tết,...) được chi trả kịp thời nhằm động viên tinh thần làm việc, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và vật chất của người lao động.

- Năm 2013, Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 36 năm thành lập (1977-2013). Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi dân gian, thể thao đã diễn ra phong phú, sinh động nhằm tạo tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa toàn thể CBCNV OPC.

- Hưởng ứng lễ phát động phong trào thi đua vượt mốc 550 tỉ đồng, Cúp Vàng kinh doanh OPC đã trao tặng cho 55 cá nhân & 8 chi nhánh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kinh doanh năm 2013. Tổng số tiền thưởng của phong trào này là 468 triệu đồng.

- Để cập nhật kiến thức và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, Công ty đã tổ chức đào tạo cho 550 lượt người bao gồm nhiều lĩnh vực: GPs, ISO, công cụ thống kê cải tiến/ kiểm soát chất lượng, ước lượng độ không đảm bảo đo các phương pháp phân tích, Giám đốc Kinh doanh, nghiệp vụ đấu thầu; Kỹ năng đàm phán thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi trong doanh nghiệp; Kỹ năng giám sát bán hàng; cập nhật kiến thức về thuế, những quy định liên quan đến Bộ luật lao động mới năm 2012. Việc đào tạo huấn luyện sử dụng phần mềm Bravo đã được thực hiện kịp thời và hiệu quả đến hệ thống 9 chi nhánh trên toàn quốc và các phòng ban có liên quan. Ngoài ra, công ty cũng đã tiếp nhận thực tập, huấn luyện đào tạo cho sinh viên từ các trường Trung cấp Dược, Đại học Dược và các trường khác trong ngoài nước gửi đến tham quan và học tập.

2.6. Công tác xã hội:

Trong năm 2013, nhiều hoạt động xã hội được CBCNV quan tâm và hưởng ứng như: ủng hộ quỹ người nghèo Q. 6, quỹ đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ gia đình thương binh, cuộc vận động ủng hộ vì đồng bào Miền Trung ruột thịt; tổ chức họp mặt truyền thống, khám chữa bệnh từ thiện, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thăm và tặng quà cho các bệnh nhân bị chất độc màu da cam,.... Tổng số tiền đóng góp là 274 triệu đồng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2014

3.1 Về sản xuất kinh doanh:

Dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch như sau:

- Tổng doanh thu: 580 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 86 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân: 11,7 triệu đồng/ tháng/ người.

3.2 Về các lĩnh vực trọng tâm khác:

- Tiếp tục giữ vững & mở rộng thị trường, phát triển hệ thống phân phối, đầu tư xây dựng chi nhánh Tiền Giang và mở rộng cơ sở vật chất hoạt động cho các chi nhánh Hà Nội, Cần Thơ, quan tâm đặc biệt phát triển thị trường ETC & OTC, tăng sản lượng các mặt hàng chủ lực và có tiềm năng; nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện trong việc kiểm tra tái chứng nhận GMP WHO của Cục Quản lý Dược đối với Nhà máy Dược phẩm OPC tại Bình Dương vào tháng 12/2014.

- Hoàn thiện và phát huy hiệu quả dự án Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu OPC Bắc Giang, trong đó có phạm vi nuôi trồng và thu hái dược liệu theo xu hướng đạt tiêu chuẩn GACP; Nộp hồ sơ đăng ký GMP WHO cho dây chuyền chiết xuất dược liệu và phấn đấu đạt chứng nhận GMP WHO.

- Bằng các giải pháp khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, gia tăng lợi nhuận; Đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường hợp tác nghiên cứu những sản phẩm có đầu tư tốt trong tiêu chuẩn hóa chất lượng, đặc biệt là đánh giá tác dụng dược lý và lâm sàng.

- Tổ chức hội nghị khách hàng tại các chi nhánh OPC trên toàn quốc nhằm tăng cường mối quan hệ và quảng bá hình ảnh công ty đến khách hàng. Tiếp tục quảng bá thương hiệu OPC và sản phẩm Công ty trên các phương tiện truyền thông bằng nhiều hình thức: PR, tự giới thiệu, hội thảo, hội chợ, truyền hình, phát thanh, phương tiện vận chuyển,...

- Phát triển đồng bộ các giải pháp về sản phẩm và thị trường: cơ cấu sản phẩm, nguồn nguyên liệu, công nghệ sản xuất, mạng lưới phân phối, chính sách phân phối, gắn kết nguyện vọng và lợi ích của cán bộ công nhân viên với kỳ vọng của nhà đầu tư và sự phát triển chung của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác đăng ký thuốc, tiếp tục phát triển mạnh và tạo bước đột phá trong công tác nghiên cứu, cải tiến, sản xuất mặt hàng mới nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao, phong phú và đa dạng về chủng loại (dược phẩm, thực phẩm chức năng,...). Đặc biệt phát huy lợi thế cạnh tranh của Công ty vốn có truyền thống và uy tín trong lĩnh vực kinh doanh thuốc có nguồn gốc từ dược liệu để phát triển lĩnh vực sản xuất và chế biến thuốc phối cung cấp cho thị trường khối điều trị, các bệnh viện, phòng chẩn trị, phòng khám,... trước xu thế “Người Việt ưu tiên dùng thuốc Việt” của Bộ Y Tế Việt Nam và chủ trương thực hiện Bảo hiểm y tế toàn dân.

- Tiếp tục tìm kiếm giải pháp để phát huy hiệu quả việc chuyển đổi công năng của khu đất 1017 Hồng Bàng – Quận 6 – Tp. Hồ Chí Minh.

IV. KẾT LUẬN

Được dự báo về triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2014 có dấu hiệu tích cực và hồi phục nhưng vẫn còn nhiều thách thức, tiềm ẩn rủi ro cao. Lộ trình cam kết thực hiện WTO đối với ngành dược sẽ tiếp tục tạo nhiều sức ép cho các Công ty nội địa phải cạnh tranh không cân sức ngay trên sân nhà. Đó cũng chính là những trở ngại của Doanh nghiệp Việt Nam, các Công ty Dược nói chung và cả OPC nói riêng.

Với những thành quả đạt được trong năm 2013, thay mặt Ban điều hành, tôi trân trọng gửi lời biết ơn đến quý khách hàng, quý cổ đông, các nhà đầu tư, nhà cung cấp, quý ban ngành đoàn thể cùng toàn thể CBCNV đã tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ để Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC hoàn thành nhiệm vụ năm 2013.

Tiếp tục phát huy truyền thống đó, chúng tôi tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục giúp đỡ, ủng hộ chúng tôi trong việc thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014.

“Đoàn kết, Vượt qua thách thức, Thắng lợi” - Đó chính là Slogan của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC năm 2014.

Kính chúc Quý vị năm mới An khang thịnh vượng – Mã đáo thành công.

TỔNG GIÁM ĐỐC



KS. NGUYỄN CHÍ LINH

Số: 249 / TTr-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014.

TỜ TRÌNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2013**Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013 ngày 12 tháng 4 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.
- Căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông tăng thêm tỷ lệ chia cổ tức là 5% so với Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2013. Như vậy, tổng cộng tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 dự kiến là 25% và phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau :

A - Phân phối lợi nhuận :

Đơn vị tính : đồng

| Diễn giải | Tỷ lệ | Số tiền |
|--|----------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân phối : | 100.00% | 56,254,277,684 |
| - Trích Quỹ Đầu tư phát triển | 15.00% | 8,438,142,000 |
| - Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 10.00% | 5,625,428,000 |
| - Chi trả cổ tức 25% | 57.14% | 32,142,150,000 |
| + <i>Tạm ứng đợt 1 (10% Vốn điều lệ)</i> | | <i>12,856,860,000</i> |
| + <i>Trích đợt 2 (15% Vốn điều lệ)</i> | | <i>19,285,290,000</i> |
| - Lợi nhuận còn lại | 17.86% | 10,048,557,684 |

B - Phương án sử dụng các quỹ :

- Quỹ đầu tư phát triển : dùng để đầu tư chiều sâu, mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm phát triển Công ty, do HĐQT Công ty quyết định.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : dùng để khen thưởng CB - CNV, các cá nhân, tập thể có thành tích tốt đóng góp cho quá trình hoạt động, phát triển Công ty; dùng để chi hỗ trợ cho các hoạt động nhằm cải thiện điều kiện sinh hoạt, sức khỏe, tinh thần của CB - CNV Công ty, các Cơ quan, Tổ chức xã hội, do Tổng Giám đốc Công ty quyết định sau khi tham khảo với cấp Ủy và BCH Công đoàn Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****DS. TRỊNH XUÂN VƯƠNG**

TỜ TRÌNH

V/v Phát hành cổ phiếu thưởng và tăng vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán và tình hình thực tế Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành cổ phiếu thưởng và tăng vốn điều lệ chi tiết như sau:

1. Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
2. Mã chứng khoán: OPC
3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần.
5. Đối tượng phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu
6. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng: 2:1 (Tại ngày chốt danh sách được cung cấp bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông sở hữu 02 CP sẽ được nhận thêm 01 CP).
7. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm dự kiến = 6.398.930 CP.
8. Tổng trị giá cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá: 63.989.300.000 đồng.
9. Nguồn thực hiện: Nguồn thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2013 theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)
10. Vốn điều lệ sau khi phát hành: 192.557.900.000 đồng. (Vốn điều lệ trước khi phát hành là 128.568.600.000 đồng).
11. Thời gian dự kiến phát hành: Quý II -III/2014.
12. Phương thức phát hành:
 - 12.1 Xử lý cổ phiếu lẻ: Đối với số cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng dự kiến phát hành, số lượng cổ phiếu mà cổ đông được nhận thêm sẽ làm tròn xuống đến hàng đơn vị và hủy bỏ phần thập phân (nếu có).

Ví dụ: Cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 15 CP. Khi phát hành cổ phiếu thưởng, Ông A được nhận thêm 7 CP. Như vậy sau khi phát hành, số cổ phần của Ông A sở hữu sẽ là: 15 CP + 07 CP = 22 CP.

12.2 Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan ban ngành hữu quan trong việc đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đối với số lượng cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

12.3 Số lượng cổ phiếu thưởng được phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu (theo dự kiến là 6.398.930 CP) sẽ được giao dịch ngay sau khi Công ty hoàn tất các hồ sơ theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

12.4 Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong việc cập nhật sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty về việc tăng vốn điều lệ.

12.5 Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các công việc khác có liên quan đến việc tăng vốn điều lệ nêu trên theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Trên đây là phương án phát hành cổ phiếu thưởng và tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DS. TRỊNH XUÂN VƯƠNG

TỜ TRÌNH

**V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược Phẩm OPC.

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Thông tư 121/TT – BTC ngày 26/07/2012 Quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và tham khảo Điều lệ mẫu do Bộ Tài chính ban hành;
- Căn cứ nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 08/04/2006, sửa đổi bổ sung lần thứ 12 thông qua ngày 12/04/2013.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC có nội dung cụ thể như sau:

| Điều lệ hiện hành (ngày 12/4/2013) | Điều lệ sửa đổi, bổ sung (5/4/2014) |
|--|---|
| <p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần (trang 9) Khoản 2: Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> | <p>Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p> |
| <p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ (trang 15) Khoản 3: Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a.Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b.Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.</p> | <p>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây: a.Thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; b.Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> |

| | |
|--|---|
| <p>Điều 17. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, chương trình họp và Thông báo họp ĐHĐCĐ (Trang 17-18)</p> <p>Khoản 3:</p> <p>Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> | <p>Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> |
| <p>Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý (trang 46)</p> <p>Khoản 4: Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa</p> | <p>Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố</p> |

| | |
|--|---|
| <p>phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.</p> | <p>trên website của Công ty.</p> |
| <p>Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng (trang 46)</p> <p>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> | <p>(Bỏ vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều lệ mẫu không quy định. - Các báo cáo tài chính (năm, 6 tháng và quý) đã được quy định trong Điều lệ Công ty(Điều 45) và tương ứng với Điều 43 của Điều lệ mẫu. - Trong thực tế, hiện nay các công ty đại chúng và tổ chức niêm yết phải thực hiện Công bố thông tin theo Thông tư 52/2012/TT-BTC và Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM ban hành kèm Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/7/2013). |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

DS. TRỊNH XUÂN VƯƠNG

**NỘI DUNG TRÍCH TỪ ĐIỀU LỆ MẪU CỦA BỘ TÀI CHÍNH BAN HÀNH
KÈM THEO THÔNG TƯ 121/2012/TT-BTC NGÀY 26/7/2012.**

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông , chương trình họp và Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT**TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

- Căn cứ Điều 123, 126 của Luật Doanh nghiệp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát được qui định tại Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2013.

Ban Kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC, đã thực hiện kiểm soát đối với hoạt động của Công ty trong năm 2013 trong các lĩnh vực như sau:

- Giám sát việc tuân thủ điều lệ, pháp luật trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm 2013;
- Thảo luận với kiểm toán độc lập của Công ty về những chế độ chính sách mới của Nhà nước.
- Ban Kiểm soát tham gia trong tất cả các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị .
- Tham gia công tác kiểm tra tình hình hoạt động của các Chi nhánh trong năm 2013.
- Kiểm soát việc thực hiện các quy trình đầu tư mua sắm và thanh lý tài sản.

Thông qua các hoạt động kiểm soát như trên, Ban Kiểm soát kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông các nội dung chi tiết như sau:

II. GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.

- Trong năm 2013, HĐQT đã họp tất cả 07 kỳ, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ đúng theo quy định điều lệ Công ty và có sự tham gia của Ban Kiểm soát.
- Các Nghị quyết của HĐQT đáp ứng kịp thời yêu cầu hoạt động của Công ty, phù hợp với chức năng quyền hạn theo quy định của pháp luật.
- Tất cả hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện chặt chẽ theo hệ thống ISO 9001-2008 và GPs.
- Quy trình kiểm soát nội bộ về công nợ được thực hiện hiệu quả hơn nên lượng tiền thu về cho Công ty hàng tháng trong năm 2013 đúng tiến độ qui định.

- Công ty đã tuân thủ đúng pháp luật của Nhà nước và của Ngành trong quản lý kinh doanh và được phản ảnh trung thực trên báo cáo tài chính hàng quý và năm.
- Đảm bảo đúng và đủ các chính sách cho người lao động của Công ty.
- Công tác quản trị được thực hiện nghiêm túc theo quy chế đã ban hành, đảm bảo việc cung cấp thông tin của doanh nghiệp đến cổ đông và các cơ quan chức năng một cách kịp thời và đúng hạn.
- Thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm soát năm 2013 được chi theo quy định của Điều lệ Công ty.
- Tổ chức Đại Hội đồng cổ đông hàng năm đúng theo điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị và của Ban điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2013.

3.1 Nghị Quyết về phân phối lợi nhuận năm 2012.

Năm 2012, Công ty đã thực hiện việc chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt 22%/ mệnh giá cổ phần, Công ty đã thực hiện chia cổ tức 12% còn lại vào ngày 29/05/2013. Trích lập đầy đủ các quỹ như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi đúng theo điều lệ của Công ty.

3.2 Nghị quyết về chia cổ tức năm 2013.

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội Đồng Quản Trị Công ty đã quyết định chia cổ tức cho cổ đông đợt 1 bằng tiền mặt với tỉ lệ 10% vào ngày 29/11/2013.

3.3 Nghị quyết về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2013

| ĐVT: tỷ đồng | Kế hoạch | Thực hiện | Hoàn thành |
|----------------------|----------|-----------|------------|
| Tổng doanh thu | 550 | 564,4 | 102,6% |
| Lợi nhuận trước thuế | 80 | 83,5 | 104,4 % |

IV. CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2013.

- Chúng tôi đã thực hiện kiểm soát tình hình tài chính của Công ty và xem xét báo cáo kiểm toán, Chúng tôi đồng ý với ý kiến của kiểm toán về các số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2013. (phụ lục đính kèm)
- Về đầu tư tài chính dài hạn của Công ty:

Tổng số đầu tư là 25.365.000.000 đồng, trong đó hai quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội và con Hồ Việt Nam chiếm 15.175.000.000 đồng, phần còn lại là đầu tư cổ phiếu các Công ty trong ngành.

Năm 2013 Công ty đã hoàn nhập dự phòng cho đầu tư tài chính của hai quỹ trên 2.892.000.000 đồng.

Các khoản dự phòng khác được trích lập đúng theo TT 228/2009/TT-BTC và thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài Chính.

V. THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

- Năm 2013 Công ty đầu tư cho dự án phần mềm Bravo trị giá 999.500.000. Phần mềm đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý trong kinh doanh và tài chính kế toán của công ty.
- Năm 2013 Công ty đã đầu tư mua một lô đất ở Khu phố 4 - Phường 5 - Tp. Mỹ Tho để xây chi nhánh Tiền Giang. Dự toán cho công trình (bao gồm đất và xây dựng) trị giá khoảng 10 tỉ. Ngày 8/3/2014 đã khởi công xây dựng, công trình sẽ hoàn thành vào khoảng tháng 8/2014.
- Công ty đầu tư mua thêm nhà để cải tạo, kết nối vào cơ sở cũ nhằm mở rộng chi nhánh Cần Thơ, đáp ứng quy mô hoạt động ngày càng phát triển của chi nhánh, trị giá khoảng 03 tỉ đồng.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP.

Thực hiện Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ đông năm 2013 Công ty đã tiến hành ký hợp đồng với Công ty kiểm toán Deloitte. Công ty Deloitte đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2013 theo qui định của Bộ Tài Chính.

VII. KẾT LUẬN.

Năm 2013 Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành Công ty đã thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013. Tất cả hoạt động của Công ty đều phù hợp với phạm vi kinh doanh đã đăng ký. Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2013 về khoản lợi nhuận chưa phân phối Ban Kiểm soát cũng đồng tình với HĐQT xin ý kiến ĐHĐCĐ việc chi trả cổ tức năm 2013 là 25%.

VIII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2014 CỦA BKS.

Năm 2014, Ban kiểm soát sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tập trung kiểm soát quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014.
- Phối hợp cùng các phòng ban chức năng trong Công ty thực hiện việc kiểm tra: Tài chính, chính sách bán hàng, công nợ...và việc thực hiện các quy chế, quy trình trong các hoạt động của Công ty.
- Tham gia cùng các phòng chức năng kiểm tra hoạt động của các Chi nhánh.

Trên đây là một số nội dung trong quá trình kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2013, xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



LÊ THỊ NĂM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính : VNĐ

| Stt | Nội dung | Mã số | 31/12/2013 | Tỷ trọng (%) | 31/12/2012 | Tỷ trọng (%) |
|------------|---|------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| I | Tài sản ngắn hạn | 100 | 301,792,323,296 | 56.05 | 254,738,809,035 | 51.14 |
| 1 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 27,816,134,180 | 5.17 | 26,747,448,421 | 5.37 |
| 3 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 78,372,834,534 | 14.55 | 60,039,696,832 | 12.05 |
| 4 | Hàng tồn kho | 140 | 192,481,097,665 | 35.75 | 166,059,222,293 | 33.33 |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 3,122,256,917 | 0.58 | 1,892,441,489 | 0.38 |
| II | Tài sản dài hạn | 200 | 236,679,803,535 | 43.95 | 243,414,078,481 | 48.86 |
| 2 | Tài sản cố định | 220 | 207,868,760,335 | 38.60 | 218,932,580,085 | 43.95 |
| | - Tài sản cố định hữu hình | 221 | 189,144,565,992 | 35.13 | 206,697,262,780 | 41.49 |
| | - Tài sản cố định vô hình | 227 | 18,696,921,616 | 3.47 | 12,181,460,396 | 2.45 |
| | - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | 27,272,727 | 0.01 | 53,856,909 | 0.01 |
| 4 | Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 27,130,194,627 | 5.04 | 22,827,500,000 | 4.58 |
| 5 | Tài sản dài hạn khác | 260 | 1,680,848,573 | 0.31 | 1,653,998,396 | 0.33 |
| III | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | 538,472,126,831 | 100 | 498,152,887,516 | 100 |
| IV | Nợ phải trả (300 = 310 + 330) | 300 | 176,018,955,466 | 32.69 | 157,975,864,835 | 31.71 |
| 1 | Nợ ngắn hạn | 310 | 170,914,646,340 | 31.74 | 133,485,970,149 | 26.80 |
| 2 | Nợ dài hạn | 330 | 5,104,309,126 | 0.95 | 24,489,894,686 | 4.92 |
| V | Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430) | 400 | 362,453,171,365 | 67.31 | 340,177,022,681 | 68.29 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 410 | 362,453,171,365 | 67.31 | 340,177,022,681 | 68.29 |
| | - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 128,568,600,000 | 23.88 | 128,568,600,000 | 25.81 |
| | - Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 72,468,790,783 | 13.46 | 72,468,790,783 | 14.55 |
| | - Quỹ đầu tư phát triển | 417 | 118,834,039,755 | 22.07 | 110,236,817,755 | 22.13 |
| | - Quỹ dự phòng tài chính | 418 | 12,856,860,000 | 2.39 | 12,777,320,000 | 2.56 |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | 29,724,880,827 | 5.52 | 16,125,494,143 | 3.24 |
| VI | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | 538,472,126,831 | 100 | 498,152,887,516 | 100 |

Tổng tài sản vào ngày 31/12/2013 tăng 8,1% so với tổng tài sản ngày 31/12/2012 chủ yếu do tài sản ngắn hạn tăng 9,45% trong khi tài sản dài hạn giảm. Cơ cấu tài sản có sự thay đổi so với năm 2012

Các khoản mục biến động trong tài sản ngắn hạn là (1) Các khoản phải thu ngắn hạn, (2) Hàng tồn kho

- (1) Các khoản phải thu của khách hàng lại tăng lên 3,68% do năm 2013 doanh thu tăng lên nên các khoản phải thu khách hàng tăng tương ứng.
- (2) Hàng tồn kho tăng chủ yếu là tồn kho thành phẩm, do Công ty chủ động dự trữ để đáp ứng nhu cầu hàng cho thị trường tương ứng với doanh thu theo kế hoạch.

Tài sản cố định giảm do phần đầu tư mới năm 2013 không nhiều so với khấu hao khi tất cả tài sản đã đưa vào vận hành ở nhà máy OPC Bình Dương.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính : VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|-----------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ | 01 | 564,443,123,829 | 504,338,800,463 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 624,427,153 | 605,369,499 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ | 10 | 563,818,696,676 | 503,733,430,964 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 277,886,810,494 | 257,207,871,842 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ | 20 | 285,931,886,182 | 246,525,559,122 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 958,797,137 | 968,263,851 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 2,869,614,485 | 14,315,153,330 |
| <i>Trong đó : - Chi phí lãi vay</i> | 23 | <i>5,926,656,351</i> | <i>13,210,170,829</i> |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 154,664,151,706 | 109,304,069,169 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 47,391,205,777 | 47,936,605,078 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | 81,965,711,351 | 75,937,995,396 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 1,349,702,774 | 2,255,830,979 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 352,930,475 | 143,208,703 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | 996,772,299 | 2,112,622,276 |
| Lỗ từ hoạt động liên doanh | 45 | 562,758,385 | (3,000,000,000) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | 83,525,242,035 | 75,050,617,672 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 27,279,659,860 | 20,627,333,933 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | (10,292,677) | (1,321,619,740) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | 56,255,874,852 | 55,744,903,479 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 4,375 | 4,454 |

Doanh thu thuần năm 2013 tăng 11,9% so với 2012.

Chi phí tài chính năm 2013 giảm so với 2012: do năm 2013 Công ty đã hoàn nhập dự phòng tài chính đầu tư dài hạn của hai quỹ đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam và Chứng khoán Hà Nội, chi phí trả lãi vay giảm 55% so với năm 2012.

Chi phí bán hàng tăng 41,5% so với năm 2012 do Công ty tăng cường khuyến mãi và quảng cáo, phát triển thương hiệu OPC. Chi phí quản lý doanh nghiệp không tăng so với năm 2012.

Lợi nhuận trước thuế tăng 11% so với năm 2012, nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ tăng 1% so với năm 2012 do chi phí quảng cáo và khuyến mãi vượt mức khống chế 10% qui định của nhà nước nên Công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp tăng lên 6,6 tỉ đồng làm cho lợi nhuận sau thuế giảm.

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

| Số TT | Chỉ tiêu | ĐVT | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-------|---|-----|------------|------------|
| 1 | Cơ cấu tài sản | | | |
| | - Tài sản dài hạn /Tổng tài sản | % | 44 | 49 |
| | - Tài sản ngắn hạn /Tổng tài sản | % | 56 | 51 |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| | - Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn | % | 33 | 32 |
| | - Nguồn vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn | % | 67 | 68 |
| 3 | Khả năng thanh toán | | | |
| | - Khả năng thanh toán nhanh | lần | 0.64 | 0.66 |
| | - Khả năng thanh toán ngắn hạn | lần | 1.77 | 1.91 |
| 4 | Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) | | | |
| | - TSLN sau thuế /Tổng tài sản bình quân | % | 11 | 12 |
| | - TSLN sau thuế /Doanh thu thuần | % | 10 | 11 |
| | - TSLN sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 16 | 17 |

Tại thời điểm 31/12/2013 vốn chủ sở hữu chiếm 67%. Nợ phải trả chiếm 33%. So với cuối năm 2012 vốn chủ sở hữu chiếm 68% nợ phải trả chiếm 32%. Như vậy cơ cấu vốn biến đổi 1% thay đổi không đáng kể.

Khả năng thanh toán của Công ty qua các năm luôn ở mức an toàn. Tại ngày 31/12/2013 hệ số thanh toán ngắn hạn là 1.77 lớn hơn 1. Hệ số này cho thấy Công ty đảm bảo khả năng thanh toán tốt đối với khách hàng cũng như các khoản nợ phải trả khi đến hạn thanh toán.

Số: 253 / TTr - HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2014.

TỜ TRÌNH**V/v chọn Công ty Kiểm toán, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014.**

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- Căn cứ Điều 47 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC về việc chỉ định Công ty kiểm toán hằng năm.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ủy quyền cho HĐQT chọn một trong 4 Công ty kiểm toán quốc tế được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho các công ty niêm yết.

Tiêu chí để chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014

- Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức niêm yết của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Kiểm toán soát xét báo cáo tài chính 6 tháng cho Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC theo qui định của TT52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm đúng thời gian qui định để báo cáo đến các cơ quan chức năng, làm cơ sở trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Chi phí kiểm toán hợp lý.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong việc chọn lựa một Công ty kiểm toán trong nhóm 4 Công ty kiểm toán quốc tế thỏa mãn các điều kiện trên để kiểm toán cho Công ty cổ phần Dược Phẩm OPC năm tài chính 2014.

Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH****DS. TRỊNH XUÂN VƯƠNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 8 - 9 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 10 - 34 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|--------------|
| Ông Trịnh Xuân Vương | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Chí Linh | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Đăng Thoại | Thành viên |
| Ông Lê Minh Điềm | Thành viên |
| Ông Trương Đức Vọng | Thành viên |
| Ông Ngô Tân Long | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Chí Linh | Tổng Giám đốc |
| Bà Lê Thị Thúy Anh | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2013) |
| Ông Nguyễn Đăng Thoại | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 02 năm 2014) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Linh

Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Số: 304/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2014, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2013 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Lê Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã Thuyết | | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|------------|----------|------------------------|------------------------|
| | số | minh | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150) | 100 | | 301.792.323.296 | 254.738.809.035 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 27.816.134.180 | 26.747.448.421 |
| 1. Tiền | 111 | | 13.816.134.180 | 14.947.448.421 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 14.000.000.000 | 11.800.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 78.372.834.534 | 60.039.696.832 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 69.745.262.668 | 57.074.200.234 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 8.965.246.760 | 3.400.299.940 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | | 213.611.702 | 90.195.294 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | (551.286.596) | (524.998.636) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 6 | 192.481.097.665 | 166.059.222.293 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 192.481.097.665 | 166.059.222.293 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 3.122.256.917 | 1.892.441.489 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 560.451.000 | 258.038.568 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 2.144.259.980 | 356.646.365 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 24.929.372 | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | 7 | 392.616.565 | 1.277.756.556 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260) | 200 | | 236.679.803.535 | 243.414.078.481 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 207.868.760.335 | 218.932.580.085 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 189.144.565.992 | 206.697.262.780 |
| - Nguyên giá | 222 | | 310.734.842.958 | 308.274.190.681 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (121.590.276.966) | (101.576.927.901) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 18.696.921.616 | 12.181.460.396 |
| - Nguyên giá | 228 | | 19.766.968.802 | 12.924.659.400 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (1.070.047.186) | (743.199.004) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | 27.272.727 | 53.856.909 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 27.130.194.627 | 22.827.500.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | 10 | 6.660.694.627 | 6.250.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 11 | 25.365.000.000 | 25.365.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | 12 | (4.895.500.000) | (8.787.500.000) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.680.848.573 | 1.653.998.396 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 316.865.336 | 300.004.000 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 13 | 1.336.983.237 | 1.326.994.396 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 27.000.000 | 27.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 538.472.126.831 | 498.152.887.516 |

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã Thuyết số minh | | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|----------------------|-----------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 176.018.955.466 | 157.975.864.835 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 170.914.646.340 | 133.485.970.149 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 14 | 71.390.862.623 | 50.627.383.643 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 33.401.403.929 | 25.269.105.174 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 27.278.904 | 135.386.918 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 15 | 14.540.279.183 | 10.946.559.080 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 21.867.754.901 | 17.746.257.799 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 16 | 1.184.449.061 | 1.504.904.564 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 17 | 15.474.458.978 | 14.945.108.067 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | 18 | 13.028.158.761 | 12.311.264.904 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 5.104.309.126 | 24.489.894.686 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 132.600.000 | 2.632.600.000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | 16.670.405.600 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | 13 | - | 303.836 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn khác | 337 | | 4.971.709.126 | 5.186.585.250 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410) | 400 | | 362.453.171.365 | 340.177.022.681 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 362.453.171.365 | 340.177.022.681 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 128.568.600.000 | 128.568.600.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 72.468.790.783 | 72.468.790.783 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 118.834.039.755 | 110.236.817.755 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 12.856.860.000 | 12.777.320.000 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 29.724.880.827 | 16.125.494.143 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 538.472.126.831 | 498.152.887.516 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|----------------------|------------|------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| - Đô la Mỹ ("USD") | 80.009 | 11.852 |
| - Đồng Euro ("Euro") | | 2.925 |

baun

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

me

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng



Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

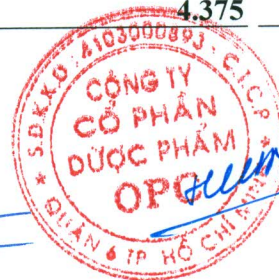
| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 2013 | 2012 |
|---|--------------|--------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 22 | 564.443.123.829 | 504.338.800.463 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | 624.427.153 | 605.369.499 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | | 563.818.696.676 | 503.733.430.964 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 23 | 277.886.810.494 | 257.207.871.842 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 285.931.886.182 | 246.525.559.122 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 958.797.137 | 968.263.851 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 2.869.614.485 | 14.315.153.330 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 5.926.656.351 | 13.210.170.829 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | 154.664.151.706 | 109.304.069.169 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 47.391.205.777 | 47.936.605.078 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | | 81.965.711.351 | 75.937.995.396 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 1.349.702.774 | 2.255.830.979 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 352.930.475 | 143.208.703 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 996.772.299 | 2.112.622.276 |
| 14. Lãi/(lỗ) từ hoạt động liên doanh | 45 | | 562.758.385 | (3.000.000.000) |
| 15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45) | 50 | | 83.525.242.035 | 75.050.617.672 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 27 | 27.279.659.860 | 20.627.333.933 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại | 52 | 13 | (10.292.677) | (1.321.619.740) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52) | 60 | | 56.255.874.852 | 55.744.903.479 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 20 | 4.375 | 4.454 |

baui

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | 2013 | | 2012 | |
|---|-----------|-------------------------|--|-------------------------|--|
| | | | | | |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 83.525.242.035 | | 75.050.617.672 | |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 24.980.998.208 | | 23.714.601.403 | |
| Các khoản dự phòng | 03 | (3.152.155.998) | | 3.328.645.304 | |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | (233.162) | | (1.215.342) | |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.198.508.333) | | (986.139.418) | |
| Chi phí lãi vay | 06 | 5.926.656.351 | | 13.210.170.829 | |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 109.081.999.101 | | 114.316.680.448 | |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | (20.878.568.722) | | (10.865.938.071) | |
| Tăng hàng tồn kho | 10 | (26.421.875.372) | | (14.733.478.175) | |
| Tăng các khoản phải trả | 11 | 12.368.404.182 | | 7.829.575.435 | |
| Tăng chi phí trả trước | 12 | (319.273.768) | | 432.446.429 | |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | (5.792.451.273) | | (13.210.170.829) | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | (23.788.040.205) | | (12.503.173.667) | |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 2.207.316.011 | | 595.519.345 | |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (8.531.075.163) | | (3.634.024.504) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 37.926.434.791 | | 68.227.436.411 | |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định | 21 | (14.786.567.023) | | (12.688.648.198) | |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 22 | 819.752.045 | | 19.090.909 | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác | 25 | - | | (5.125.000.000) | |
| 7. Thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.098.263.824 | | 967.048.509 | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (12.868.551.154) | | (16.827.508.780) | |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | | |
| 1. Tiền thu được từ phát hành cổ phiếu | 31 | - | | 9.724.000.000 | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn nhận được | 33 | 152.007.200.978 | | 102.950.463.634 | |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (147.917.648.398) | | (123.753.584.106) | |
| 6. Cổ tức đã trả cho cổ đông | 36 | (28.079.550.550) | | (24.991.821.000) | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (23.989.997.970) | | (36.070.941.472) | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40) | 50 | 1.067.885.667 | | 15.328.986.159 | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 26.747.448.421 | | 11.417.246.920 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ | 61 | 800.092 | | 1.215.342 | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61) | 70 | 27.816.134.180 | | 26.747.448.421 | |

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 590.740.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 611.520.800 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong năm không bao gồm số tiền 13.542.392.050 đồng, trong đó số tiền 12.856.860.000 đồng là cổ tức tạm trích đợt 2 của năm 2013 như trình bày ở Thuyết minh số 19 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 12.856.860.000 đồng) và số tiền 685.532.050 đồng là cổ tức của các năm Cổ đông chưa nhận đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 479.990.600 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đê
Kế toán trưởng





Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 10 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung Ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y Tế có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 102652 do Trọng tài kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty mẹ đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty mẹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 09/ĐX 04 - TH, Tổ 7, Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty con

Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty con”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700806295 ngày 16 tháng 12 năm 2008.

Nhà máy của Công ty con đặt tại Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 15.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 722 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 671 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các Công ty liên kết và liên doanh như sau:

| Tên Công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|---------------------|----------------------------------|--|
| Công ty liên kết: | | | | |
| Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang | Tỉnh Bắc Giang | 40% | 40% | Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng |
| Liên doanh: | | | | |
| Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiểu - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc | Tỉnh Bình Dương | 50% | 50% | Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác |

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc, thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 03 - 10 |
| Thiết bị văn phòng | 03 - 08 |

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các năm kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí đầu tư thuê mặt bằng và chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đầu tư thuê mặt bằng được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

002
NH
TY
QUY
TE
M
CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tiền mặt | 2.811.188.595 | 1.609.449.109 |
| Tiền gửi ngân hàng | 11.004.945.585 | 13.337.999.312 |
| Các khoản tương đương tiền | 14.000.000.000 | 11.800.000.000 |
| | <u>27.816.134.180</u> | <u>26.747.448.421</u> |

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn trong vòng một tháng tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh 6 với lãi suất 7% /năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9% /năm).

6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Nguyên liệu, vật liệu | 102.702.796.307 | 88.050.170.513 |
| Công cụ, dụng cụ | 347.648.326 | 209.721.165 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 3.471.258.021 | 3.094.088.759 |
| Thành phẩm | 85.069.735.253 | 74.075.547.337 |
| Hàng hóa | 889.659.758 | 629.694.519 |
| | <u>192.481.097.665</u> | <u>166.059.222.293</u> |

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị là 125.926.373.561 đồng đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng).

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|--------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tạm ứng cho nhân viên | 155.648.000 | 138.404.000 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 236.968.565 | 1.139.352.556 |
| | <u>392.616.565</u> | <u>1.277.756.556</u> |

500-
NHÀ
NG
HIỆM
OIT
T N
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng, vật kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|------------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 173.889.617.752 | 116.107.100.049 | 14.012.391.961 | 4.265.080.919 | 308.274.190.681 |
| Tăng trong năm | 1.231.194.545 | 3.197.569.658 | 4.006.026.095 | 205.985.105 | 8.640.775.403 |
| Thanh lý | (434.007.273) | (94.915.728) | - | - | (528.923.001) |
| Giảm khác (*) | (25.830.000) | (3.457.413.092) | (509.360.042) | (1.658.596.991) | (5.651.200.125) |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>174.660.975.024</u> | <u>115.752.340.887</u> | <u>17.509.058.014</u> | <u>2.812.469.033</u> | <u>310.734.842.958</u> |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 36.361.410.382 | 55.447.565.370 | 6.610.151.081 | 3.157.801.068 | 101.576.927.901 |
| Khấu hao trong năm | 8.639.502.033 | 13.708.128.101 | 1.989.086.931 | 317.432.961 | 24.654.150.026 |
| Thanh lý | (303.805.110) | (94.915.728) | - | - | (398.720.838) |
| Giảm khác (*) | (25.830.000) | (2.595.776.599) | (501.921.366) | (1.118.552.158) | (4.242.080.123) |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>44.671.277.305</u> | <u>66.465.001.144</u> | <u>8.097.316.646</u> | <u>2.356.681.871</u> | <u>121.590.276.966</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>137.528.207.370</u> | <u>60.659.534.679</u> | <u>7.402.240.880</u> | <u>1.107.279.851</u> | <u>206.697.262.780</u> |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>129.989.697.719</u> | <u>49.287.339.743</u> | <u>9.411.741.368</u> | <u>455.787.162</u> | <u>189.144.565.992</u> |

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 32.223.798.759 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: tương đương 166 tỷ đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 56.514.624.617 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 54.222.476.641 đồng).

(*) Thể hiện việc kết chuyển những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng nhưng vẫn còn sử dụng sang tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tổng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 12.633.524.400 | 291.135.000 | 12.924.659.400 |
| Tăng trong năm | 5.842.809.402 | 999.500.000 | 6.842.309.402 |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>18.476.333.802</u> | <u>1.290.635.000</u> | <u>19.766.968.802</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2013 | 617.040.504 | 126.158.500 | 743.199.004 |
| Khấu hao trong năm | 215.869.794 | 110.978.388 | 326.848.182 |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>832.910.298</u> | <u>237.136.888</u> | <u>1.070.047.186</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 31/12/2012 | <u>12.016.483.896</u> | <u>164.976.500</u> | <u>12.181.460.396</u> |
| Tại ngày 31/12/2013 | <u>17.643.423.504</u> | <u>1.053.498.112</u> | <u>18.696.921.616</u> |

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 2.868.400.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 0 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ ngân hàng.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

| | 31/12/2013 VND | 31/12/2012 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 6.250.000.000 | 6.250.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang | 6.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc | 250.000.000 | 250.000.000 |
| Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia | | - |
| Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang | 410.694.627 | - |
| | <u>6.660.694.627</u> | <u>6.250.000.000</u> |

Phần lợi nhuận phát sinh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm 2012 là 152.063.758 đồng và đã được Công ty thực nhận trong năm.

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

| | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|------------------------------------|-------------------------------|---------------------------|--|--|
| Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang | Tỉnh Bắc Giang | 40% | 40% | Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (gọi tắt là “OPC Bắc Giang”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.

Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn liên doanh như sau:

| | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ phần sở hữu % | Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ % | Hoạt động chính |
|--|----------------------------|---------------------|----------------------------------|---|
| a. Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim | Thành phố Hồ Chí Minh | 50% | 50% | Kinh doanh bất động sản |
| b. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiêu – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc | Tỉnh Bình Dương | 50% | 50% | Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác |

a. Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim (gọi tắt là “OPC Exim”)

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác đầu tư và thành lập OPC Exim theo Hợp đồng số 01-06/2010/HĐHTĐT ngày 21 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và Công ty cổ phần Bất động sản Exim (“EximLand”), các bên tham gia hợp đồng hợp tác đầu tư sẽ góp 50% vốn tương ứng với 3.000.000.000 đồng. OPC Exim được thành lập nhằm đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án cao ốc căn hộ kết hợp thương mại dịch vụ tại số 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - hiện đang là văn phòng Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC.

Ngày 28 tháng 3 năm 2012, Công ty đã gửi Công văn số 204/TCHCTH đến EximLand về việc chấm dứt hợp tác dự án. Ngày 18 tháng 4 năm 2012, EximLand đã gửi Công văn số 41/2012/CV-EXL phúc đáp việc đồng ý chấm dứt dự án và giải thể OPC Exim. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, OPC Exim đã được giải thể theo Quyết định số 01/13/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 8 năm 2013. Trong năm 2013, Công ty đã xử lý ghi giảm giá trị đầu tư vào OPC Exim và hoàn nhập khoản dự phòng liên quan đến khoản đầu tư này theo Tờ trình số 01/TTr-TGD-OPEXIM.2013 ngày 07 tháng 6 năm 2013 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 508/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 5 năm 2013.

b. Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiêu - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (gọi tắt là “Kiện Kiêu”)

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Kiện Kiêu ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

| | 31/12/2013 | | 31/12/2012 | |
|---|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | Số lượng | Giá trị (VND) | Số lượng | Giá trị (VND) |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam | 1.000.000 | 10.100.000.000 | 1.000.000 | 10.100.000.000 |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội | 5.000 | 5.075.000.000 | 5.000 | 5.075.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha | 144.000 | 3.800.000.000 | 144.000 | 3.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh | 225.000 | 2.750.000.000 | 225.000 | 2.750.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bao bì Dược | 100.000 | 1.500.000.000 | 100.000 | 1.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam | 50.000 | 1.250.000.000 | 50.000 | 1.250.000.000 |
| Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình | 7.000 | 790.000.000 | 7.000 | 790.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị vật tư y tế Tuyên Quang | 10.000 | 100.000.000 | 10.000 | 100.000.000 |
| | | 25.365.000.000 | | 25.365.000.000 |

12. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán Con Hồ Việt Nam | (3.643.000.000) | (5.528.000.000) |
| Quỹ Đầu tư chứng khoán Hà Nội | (1.252.500.000) | (2.259.500.000) |
| Công ty Cổ phần Địa ốc OPC Exim | - | (1.000.000.000) |
| | (4.895.500.000) | (8.787.500.000) |

13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm nay và năm trước:

| | Dự phòng phải trả dài hạn VND | Lợi nhuận chưa thực hiện VND | Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND | Tổng cộng VND |
|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--|----------------------|
| Tại ngày 01/01/2012 | - | 5.070.820 | - | 5.070.820 |
| Ghi tăng lợi nhuận trong năm | 1.296.646.313 | 25.277.263 | (303.836) | 1.321.923.576 |
| Tại ngày 31/12/2012 | 1.296.646.313 | 30.348.083 | (303.836) | 1.326.690.560 |
| Ghi tăng lợi nhuận trong năm | (54.472.001) | 65.213.812 | (449.134) | 10.292.677 |
| Tại ngày 31/12/2013 | 1.242.174.312 | 95.561.895 | (752.970) | 1.336.983.237 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | | |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh | 29.284.611.656 | - |
| - Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) | 19.995.772.854 | - |
| - Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh | 12.688.631.713 | - |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn | 7.421.846.400 | 30.204.766.487 |
| - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây | 2.000.000.000 | 8.337.414.356 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | - | 12.085.202.800 |
| | 71.390.862.623 | 50.627.383.643 |

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2013, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 30 tháng 9 năm 2014 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản cộng 3,5%/năm. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem thuyết minh số 6).

Vào ngày 26 tháng 9 năm 2013, Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 26 tháng 9 năm 2014 và được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và thương mại dược phẩm và hóa dược. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay chịu lãi suất bằng (i) lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam cộng 4%/năm hoặc (ii) mức sản lãi suất cho vay kỳ hạn tương ứng của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất nếu (i) thấp hơn (ii). Công ty con đã sử dụng hàng tồn kho luân chuyển để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 6).

Vào ngày 30 tháng 01 năm 2013, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 2.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 29 tháng 4 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất cơ bản Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam của thời hạn tương ứng cộng 1,5%/năm. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho và quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay này (xem các Thuyết minh số 6 và số 8).

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2013, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh (nay gọi là Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh) với hạn mức tín dụng 1.000.000 Đô la Mỹ. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 23 tháng 01 năm 2014 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động và mở thư tín dụng. Khoản vay chịu lãi suất bằng chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng 1,65%/năm. Công ty mẹ đã sử dụng hàng tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 6).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2011, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng và đã tăng lên thành 30.000.000.000 đồng theo phụ lục hợp đồng tín dụng ký kết vào ngày 30 tháng 10 năm 2012. Khoản tín dụng này có hiệu lực đến ngày 02 tháng 12 năm 2015 và được cấp với mục đích tài trợ vốn lưu động. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo hình thức lãi suất thả nổi, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại từng lần nhận nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ hoặc hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn. Công ty mẹ đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định hữu hình cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 6).

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2012, Công ty con ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Tây với hạn mức tín dụng là 8.000.000.000 đồng. Khoản tín dụng này có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tuy nhiên, hai bên đã ký khế ước nhận nợ có thời hạn 06 tháng từ 24 tháng 7 năm 2013 đến 24 tháng 01 năm 2014 với số tiền được giải ngân là 2.000.000.000 đồng. Khoản vay được cấp với mục đích bổ sung vốn lưu động để sản xuất kinh doanh sản phẩm ngành dược. Khoản vay chịu lãi suất 8.5%/năm và tài sản đảm bảo là Chứng thư bảo lãnh của Công ty mẹ và hàng tồn kho bình quân thuộc sở hữu của Công ty con trị giá 6.000.000.000 đồng.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.694.335.912 | 10.202.716.257 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 830.035.404 | 655.077.345 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 15.907.867 | 9.977.267 |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 57.587.390 |
| Thuế nhập khẩu | - | 21.200.821 |
| | <u>14.540.279.183</u> | <u>10.946.559.080</u> |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Chi phí nhượng quyền | 500.970.000 | - |
| Chi phí điện sản xuất | 154.685.100 | 60.700.300 |
| Chi phí lãi vay | 144.227.512 | 10.022.434 |
| Chi phí quảng cáo | - | 235.409.091 |
| Chi phí nghiên cứu | - | 426.314.169 |
| Khác | 384.566.449 | 772.458.570 |
| | <u>1.184.449.061</u> | <u>1.504.904.564</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Kinh phí công đoàn | 1.892.559.790 | 1.015.520.087 |
| Bảo hiểm xã hội | 29.507.138 | 253.737.380 |
| Cổ tức | 13.542.392.050 | 13.336.850.600 |
| Phải trả khác | 10.000.000 | 339.000.000 |
| | <u>15.474.458.978</u> | <u>14.945.108.067</u> |

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 2013 | 2012 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Số dư đầu năm | 12.311.264.904 | 9.347.142.274 |
| Trích lập từ lợi nhuận giữ lại | 5.693.037.000 | 5.496.411.000 |
| Sử dụng quỹ | (4.976.143.143) | (2.468.660.590) |
| Hoàn nhập vào lợi nhuận giữ lại do trích thừa | - | (63.627.780) |
| Số dư cuối năm | <u>13.028.158.761</u> | <u>12.311.264.904</u> |

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phần được phép phát hành | 12.856.860 | 12.856.860 |
| Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ | 12.856.860 | 12.856.860 |
| Mệnh giá cổ phiếu (đồng) | <u>10.000</u> | <u>10.000</u> |

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

| | Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ nắm giữ tại ngày | | Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012 |
|--------------------------------------|---|--------------------|--|
| | 31/12/2013 và 31/12/2012 | % | |
| | <u>Cổ phiếu</u> | <u>%</u> | <u>VND</u> |
| Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Dược | 2.375.100 | 18,47% | 23.751.000.000 |
| Cổ đông khác | 10.481.760 | 81,53% | 104.817.600.000 |
| | <u>12.856.860</u> | <u>100%</u> | <u>128.568.600.000</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|---------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2012 | 122.848.600.000 | 68.464.790.783 | 72.053.867.755 | 11.160.432.125 | 31.493.262.959 | 306.020.953.622 |
| Góp vốn | 5.720.000.000 | 4.004.000.000 | - | - | - | 9.724.000.000 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 55.744.903.479 | 55.744.903.479 |
| Phân phối quỹ | - | - | 38.331.956.542 | 1.690.391.146 | (40.022.347.688) | - |
| Hoàn nhập quỹ do trích thừa | - | - | (149.006.542) | (73.503.271) | 286.137.593 | 63.627.780 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (5.558.038.780) | (5.558.038.780) |
| Chia lợi nhuận cho liên doanh | - | - | - | - | (104.703.420) | (104.703.420) |
| Trả cổ tức | - | - | - | - | (25.713.720.000) | (25.713.720.000) |
| Tại ngày 31/12/2012 | 128.568.600.000 | 72.468.790.783 | 110.236.817.755 | 12.777.320.000 | 16.125.494.143 | 340.177.022.681 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 56.255.874.852 | 56.255.874.852 |
| Chia lợi nhuận cho liên doanh | - | - | - | - | (1.597.168) | (1.597.168) |
| Phân phối quỹ | - | - | 8.597.222.000 | 79.540.000 | (8.676.762.000) | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (5.693.037.000) | (5.693.037.000) |
| Chia bổ sung cổ tức năm 2012 | - | - | - | - | (2.571.372.000) | (2.571.372.000) |
| Chia cổ tức đợt 1 năm 2013 | - | - | - | - | (12.856.860.000) | (12.856.860.000) |
| Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2013 | - | - | - | - | (12.856.860.000) | (12.856.860.000) |
| Tại ngày 31/12/2013 | 128.568.600.000 | 72.468.790.783 | 118.834.039.755 | 12.856.860.000 | 29.724.880.827 | 362.453.171.365 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 340/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chia cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 với số tiền là 28.285.092.000 đồng tương ứng với 22% vốn cổ phần của Công ty. Theo đó, Công ty đã trích thêm số tiền là 2.571.372.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 trong năm 2013 (số cổ tức tạm trích trong năm 2012 là 25.713.720.000 đồng) để tiến hành việc chi trả cổ tức như nêu trên.

Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 của năm 2013 với số tiền là 12.856.860.000 đồng theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1000/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 10 năm 2013 và tạm trích cổ tức đợt 2 của năm 2013 số tiền 12.856.860.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 340/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2013. Tổng số cổ tức đã chia và tạm trích trong năm 2013 tương ứng 20% vốn cổ phần của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo, Công ty đang ghi nhận cổ tức bằng tiền mặt của các năm mà cổ đông chưa nhận với số tiền là 685.532.050 đồng và giá trị cổ tức tạm trích đợt 2 của năm 2013 với số tiền là 12.856.860.000 đồng trên khoản mục phải trả khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty mẹ đã tạm trích Quỹ đầu tư và phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 lần lượt với các số tiền là 8.278.363.000 đồng và 5.553.528.000 đồng theo Điều lệ của Công ty mẹ.

Theo Quyết định số 12/QĐ-HDTV do Hội đồng Thành viên của Công ty con thông qua vào ngày 15 tháng 3 năm 2013, Công ty con đã tiến hành phân phối các Quỹ đầu tư và phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 159.080.000 đồng, 79.540.000 đồng, 67.609.000 đồng và phần lợi nhuận còn lại được chuyển về Công ty mẹ.

Ngoài ra, Công ty con cũng tạm trích một phần lợi nhuận sau thuế của năm 2013 để trích bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Điều lệ của Công ty con với số tiền lần lượt là 159.779.000 đồng và 71.900.000 đồng.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc chia cổ tức và phân phối các quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | 2013 | 2012 |
|--|---------------------|---------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lợi nhuận sau thuế | 56.255.874.852 | 55.744.903.479 |
| Trong đó: | | |
| - Lãi chia cho bên hợp tác liên doanh | 1.597.168 | 104.703.420 |
| - Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông | 56.254.277.684 | 55.640.200.059 |
| Số lượng cổ phiếu bình quân | 12.856.860 | 12.493.287 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>4.375</u> | <u>4.454</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2013 | 2012 |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Doanh thu bán thành phẩm | 555.937.999.250 | 494.769.810.903 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 8.505.124.579 | 9.559.096.260 |
| Doanh thu dịch vụ | - | 9.893.300 |
| | <u>564.443.123.829</u> | <u>504.338.800.463</u> |

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2013 | 2012 |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Giá vốn bán thành phẩm | 270.166.274.213 | 248.397.015.836 |
| Giá vốn bán hàng hóa | 7.720.536.281 | 8.810.856.006 |
| | <u>277.886.810.494</u> | <u>257.207.871.842</u> |

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2013 | 2012 |
|----------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>(Trình bày lại)</u> <u>VND</u> |
| Chi phí nguyên vật liệu | 275.295.076.093 | 267.488.330.097 |
| Chi phí nhân công | 126.558.685.454 | 103.468.324.978 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 24.980.998.208 | 23.714.601.403 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 36.956.946.591 | 23.110.380.358 |
| Chi phí khác | 49.263.806.314 | 42.200.218.982 |
| | <u>513.055.512.660</u> | <u>459.981.855.818</u> |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2013 | 2012 |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi | 237.448.578 | 276.199.509 |
| Cổ tức được chia | 708.751.488 | 690.849.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 12.363.909 | - |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 233.162 | 1.215.342 |
| | <u>958.797.137</u> | <u>968.263.851</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2013 VND | 2012 VND |
|--|------------------------------------|----------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 5.926.656.351 | 13.210.170.829 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 121.402.092 (3.178.443.958) | 104.982.501 1.000.000.000 |
| | <u>2.869.614.485</u> | <u>14.315.153.330</u> |

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | 2013 VND | 2012 VND |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 83.525.242.035 | 75.050.617.672 |
| Trừ: | | |
| - Thu nhập không chịu thuế | 1.393.135.367 | 732.630.905 |
| - Chi phí không được trừ năm trước nhưng được trừ trong năm nay | 214.876.124 | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được trừ | <u>27.201.408.896</u> | <u>8.191.348.966</u> |
| Thu nhập chịu thuế | 109.118.639.440 | 82.509.335.733 |
| Thuế suất hiện hành | 25% | 25% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | <u>27.279.659.860</u> | <u>20.627.333.933</u> |

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Ban Tổng Giám đốc hiểu rằng số thuế trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất trong năm được tính dựa vào thu nhập chịu thuế ước tính và tùy thuộc vào sự kiểm tra và có thể có những điều chỉnh của cơ quan thuế.

28. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

| | 2013 VND | 2012 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm | <u>1.088.673.300</u> | <u>1.088.673.300</u> |

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 2013 VND | 2012 VND |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Trong vòng một năm | 1.088.673.300 | 1.088.673.300 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 4.354.693.200 | 4.354.693.200 |
| Sau năm năm | <u>2.177.346.600</u> | <u>3.266.019.900</u> |
| | <u>7.620.713.100</u> | <u>8.709.386.400</u> |

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.816.134.180 | 26.747.448.421 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 69.407.587.774 | 56.639.396.892 |
| Ký quỹ, ký cược | 236.968.565 | 1.139.352.556 |
| Tổng | 97.460.690.519 | 84.526.197.869 |
| Công nợ tài chính | | |
| Vay | 71.390.862.623 | 67.297.789.243 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 49.008.462.907 | 42.846.813.241 |
| Chi phí phải trả | 1.184.449.061 | 1.504.904.564 |
| Tổng | 121.583.774.591 | 111.649.507.048 |

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán vì Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo****Rủi ro thị trường***

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

| | Tài sản | | Công nợ | |
|-----------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | 31/12/2013 | 31/12/2012 | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Đô la Mỹ (USD) | 1.703.723.544 | 2.545.759.827 | 7.442.399.400 | 2.505.608.400 |
| Đồng Euro (EUR) | - | 81.019.285 | - | - |

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng với số tiền tương ứng là 573.867.586 đồng (2012: 4.015.143 đồng)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1- 5 năm VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------|
| Tại ngày 31/12/2013 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.816.134.180 | - | 27.816.134.180 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 69.407.587.774 | - | 69.407.587.774 |
| Ký quỹ, ký cược | 236.968.565 | - | 236.968.565 |
| Tổng | 97.460.690.519 | - | 97.460.690.519 |
| Tại ngày 31/12/2013 | | | |
| Vay | 71.390.862.623 | - | 71.390.862.623 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 48.875.862.907 | 132.600.000 | 49.008.462.907 |
| Chi phí phải trả | 1.184.449.061 | - | 1.184.449.061 |
| Tổng | 121.451.174.591 | 132.600.000 | 121.583.774.591 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (23.990.484.072) | (132.600.000) | (24.123.084.072) |
| Tại ngày 31/12/2012 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 26.747.448.421 | - | 26.747.448.421 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 56.639.396.892 | - | 56.639.396.892 |
| Ký quỹ, ký cược | 1.139.352.556 | - | 1.139.352.556 |
| Tổng | 84.526.197.869 | - | 84.526.197.869 |
| Tại ngày 31/12/2012 | | | |
| Vay | 50.627.383.643 | 16.670.405.600 | 67.297.789.243 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 40.214.213.241 | 2.632.600.000 | 42.846.813.241 |
| Chi phí phải trả | 1.504.904.564 | - | 1.504.904.564 |
| Tổng | 92.346.501.448 | 19.303.005.600 | 111.649.507.048 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | (7.820.303.579) | (19.303.005.600) | (27.123.309.179) |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

| | 2013 VND | 2012 VND |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| OPC Bắc Giang | | |
| Góp vốn | - | 4.000.000.000 |
| Mua nguyên vật liệu | 44.693.655.700 | 15.172.324.000 |
| Lợi nhuận được chia | 152.063.758 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU B 09-DN/HN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong năm như sau:

| | 2013 | 2012 |
|--|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác | <u>7.730.777.873</u> | <u>6.208.786.125</u> |

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

| | 31/12/2013 | 31/12/2012 |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải trả người bán | | |
| OPC Bắc Giang | <u>8.041.513.644</u> | <u>3.900.196.070</u> |

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu của Thuyết minh số 24 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố của năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay. Chi tiết như sau:

| | Trình bày năm trước <u>VND</u> | Trình bày lại <u>VND</u> | Chênh lệch <u>VND</u> |
|----------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 267.488.330.097 | 267.488.330.097 | - |
| Chi phí nhân công | 100.176.675.686 | 103.468.324.978 | (3.291.649.292) |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 23.714.601.403 | 23.714.601.403 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.475.547.982 | 23.110.380.358 | (17.634.832.376) |
| Chi phí khác | <u>60.494.968.550</u> | <u>42.200.218.982</u> | 18.294.749.568 |
| | <u>457.350.123.718</u> | <u>459.981.855.818</u> | <u>(2.631.732.100)</u> |

ba

me



Hồ Thị Hải Vân
 Người lập

Nguyễn Thế Đề
 Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2013 Deloitte Vietnam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750